

Bản án số: 49/2026/HS-ST
Ngày: 30-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Chí;

2. Ông Nguyễn Thành Công;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Chánh Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Thơ – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Ngọc D, tên gọi khác: **N**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 07/9/1987; Nơi đăng ký thường trú: **Ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh**; Chỗ ở trước khi bị bắt: **Ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh**; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1958 và bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1962; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Ngày 21/3/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7- Tây Ninh) tuyên phạt 03 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 30/2023/HS-ST ngày 21/3/2023, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 25/01/2025.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/8/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh) tuyên phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 57/2019/HS-ST ngày 12/8/2019, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 22/11/2019.

Bị bắt **tạm giam** từ ngày 14/3/2026 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Bà **Trần Thị Ngọc Á**, sinh năm 1991; Địa chỉ: **Ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh** (Vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1979; Địa chỉ: **Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh** (Vắng mặt);

- Ông **Huỳnh Công Q**, sinh năm 1997; Địa chỉ: **Số nhà B, đường L, ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh** (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 19/02/2026, **Trần Ngọc D** mượn xe mô tô biển số 62M1 – 047.36, loại xe Yamaha Exciter, màu đỏ, của bà **Trần Thị Kim H** để đi về nhà. Khi đi đến đoạn đường Bà **K** thuộc **ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh**, **D** phát hiện nhà bà **Trần Thị Ngọc Á** không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm tài sản. Khoảng 00 giờ 40 phút cùng ngày, **D** quay lại nhà của bà **Á**, tháo kềm cửa thiếc ra, rồi đi theo phía bên hông phải nhà để xuống cửa phía sau, **D** dùng búa đập bể 01 lỗ cửa kính, luồn tay trái vào trong để mở khóa tay nắm cửa và đi vào nhà. Khi vào bên trong, **D** lấy bao ni lông che mặt, khom người đi lên nhà trên và rút phích cắm điện camera. **D** đi vào phòng ngủ, phát hiện trên đầu giường có 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, có nhiều hạt tằm tròn nên **D** lấy trộm và đi về.

Ngày 23/02/2026, **D** đem đôi bông tai trên đến **tiệm V**, tại **ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh** bán, tại đây chủ tiệm vàng là ông **Huỳnh Công Q** đã mua đôi bông tai với số tiền là 5.960.000 đồng. Dứt đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi thu mua, ông **Q** nấu vàng rồi bán lại cho người khác nên không thu hồi được tài sản. Ngày 08/3/2026, **D** bị **Công an xã C** mời làm việc, **D** đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 10/2026/KL-HĐĐGTS ngày 10/03/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **xã C, tỉnh Tây Ninh** kết luận: 01 đôi bông tai có vỏ bằng vàng loại 750, trên mỗi chiếc bông tai có 01 viên kim cương có đặc điểm như sau: Bông xoàn: 28RD 0.74CT 18KW 2.15GM. Hạt 1: PNJ 226F21-7; Kích thước: 3.66-3.69x2.99mm; Độ tinh khiết: VVS1; Màu: E; Trọng lượng: 0.197CT. Hạt 2: PNJ 81E21-15; Kích thước: 3.67-3.69x2.25mm; Độ tinh khiết: VVS1; Màu: E; Trọng lượng: 0.194CT. Tại thời điểm bị mất trộm, tài sản có trị giá 40.900.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 11A/CT-VKSTNH-KV ngày 25/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh truy tố **Trần Ngọc D** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh khẳng định Cáo trạng số 11A/CT-VKSTNH-KV ngày 25/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh truy tố **Trần Ngọc D** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: **Trần Ngọc D** có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên đây là tình tiết tái phạm. Ngoài ra, bị cáo **D** còn có nhân thân xấu, đã bị Tòa án tuyên phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” vào năm 2019.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo **D** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động chi ruột là bà **Trần Thị Kim H** bồi thường toàn bộ số tiền 40.900.000 đồng cho bị hại **Trần Thị Ngọc Á**. Đồng thời, bà **Á** có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **D**.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Trần Ngọc D** phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, **điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38, 50 của** Bộ luật hình sự, xử phạt **Trần Ngọc D** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo **D**.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 62M1 – 047.36, loại xe Yamaha Exciter, màu đỏ, đây là tài sản hợp pháp của bà **Trần Thị Kim H** nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **công an tỉnh T** đã trả lại cho bà **H** là phù hợp.

- 01 quần Jean dài màu đen, 01 áo sơ mi dài tay màu đen, 01 đôi dép kẹp loại dép da, đây là tài sản hợp pháp của **Trần Ngọc D** nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** đã trả lại cho **D** là phù hợp.

- 01 cây búa bằng kim loại màu trắng đã rỉ sét, thân đầu búa dài 11cm (mặt đóng đầu búa 3,3cm, lưỡi búa 6,5cm); cán búa dạng ống kim loại tròn có đường kính 2,4cm dài 22cm và 01 bao ni lông màu xanh, là công cụ phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với ông **Huỳnh Công Q**, khi mua tài sản từ bị cáo **D**, ông **Q** không biết là tài sản do **D** phạm tội mà có nên hành vi của ông **Q** không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Về dân sự: Bị hại **Trần Thị Ngọc Á** đã nhận đủ tiền bồi thường là 40.900.000 đồng và không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 00 giờ 40 phút, ngày 19/02/2026, **Trần Ngọc D** đã lên vào nhà của bà **Trần Thị Ngọc Á**, trên **đường B thuộc ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh** để lấy trộm tài sản là 01 đôi bông tai có vỏ bằng vàng loại 750, trên mỗi chiếc bông tai có 01 viên kim cương có đặc điểm như sau: Bông xoàn: 28RD 0.74CT 18KW 2.15GM. Hột 1: PNJ 226F21-7; Kích thước: 3.66-3.69x2.99mm; Độ tinh khiết: VVS1; Màu: E; Trọng lượng: 0.197CT. Hột 2: PNJ 81E21-15; Kích thước: 3.67-3.69x2.25mm; Độ tinh khiết: VVS1; Màu: E; Trọng lượng: 0.194CT. Tài sản có trị giá 40.900.000 đồng

Hành vi của bị cáo **D** là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân. **Trần Ngọc D** là người thành niên, bản thân bị cáo đủ khả năng nhận thức được trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật; quan điểm luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng diễn biến của vụ án, việc đề nghị xử lý theo tội danh, điều khoản áp dụng là đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo **D** đã bị kết án 03 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích nhưng nay lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, về nhân thân, bị cáo **D** còn bị tuyên phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **D** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đồng thời, bị cáo **D** đã tác động và nhờ chị ruột là bà **Trần Thị Kim H** bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại bà **Trần Thị Ngọc Á**. Bà **Á** cũng có đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo **D**. Do đó, bị cáo **D** được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng cần xử lý nghiêm đối với bị cáo, áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô biển số 62M1 – 047.36, loại xe Yamaha Exciter, màu đỏ, đây là tài sản hợp pháp của bà **Trần Thị Kim H**, bà **H** không biết bị cáo **D** mượn xe để đi trộm cắp tài sản nên tài sản này trả lại cho bà **H** là phù hợp.

- Đối với 01 quần Jean dài màu đen, 01 áo sơ mi dài tay màu đen, 01 đôi dép kẹp loại dép da, đây là tài sản hợp pháp của **Trần Ngọc D**, không liên quan đến tội phạm nên đã được trả lại cho **Trần Ngọc D** là phù hợp.

- Đối với 01 cây búa bằng kim loại màu trắng đã rỉ sét, thân đầu búa dài 11cm (mặt đóng đầu búa 3,3cm, lưỡi búa 6,5cm); cán búa dạng ống kim loại tròn có đường kính 2,4cm dài 22cm và 01 bao ni lông màu xanh, đây là công cụ, phương tiện mà bị cáo **D** sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về dân sự: Bị hại bà **Trần Thị Ngọc A** đã nhận số tiền bồi thường 40.900.000 đồng và không có yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với ông **Huỳnh Công Q**, khi mua tài sản từ bị cáo **D**, ông **Q** không biết là tài sản do **D** phạm tội mà có nên hành vi của ông **Q** không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 của Bộ luật hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo **Trần Ngọc D** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 173, điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt **Trần Ngọc D** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/3/2026.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo **Trần Ngọc D** 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[2] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây búa bằng kim loại màu trắng đã rỉ sét, thân đầu búa dài 11cm (mặt đóng đầu búa 3,3cm, lưỡi búa 6,5cm); cán búa dạng ống kim loại tròn có đường kính 2,4cm dài 22cm và 01 bao ni lông màu xanh

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Trần Ngọc D** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Bản án sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Cơ quan điều tra có thẩm quyền;
- Phân trại tạm giam Tân Lân,
Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tô Cẩm Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Chí – Trần Văn Đoàn

Lê Nguyễn Xuân An

